



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3503000233

ngày 26 tháng 9 năm 2008

4100739909

ngày 24 tháng 2 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 24 tháng 2 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An

Chủ tịch

Ông Huỳnh Văn Dũng

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Phước

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Thành viên

Ông Phạm Văn Phong

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng

Trưởng ban

Ông Trịnh Văn Thảo

Thành viên

Ông Bùi Quang Đáng

Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Điền

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh

Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột

Tỉnh Đắk Lắk

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.


Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

Phuynh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2024 

042

NH

GT

KPI

PH



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-04-00030-24-2



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		576.059.200.466	621.118.633.931
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	54.745.612.826	135.037.383.413
Tiền	111		10.745.612.826	9.672.383.413
Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	125.365.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		259.000.000.000	223.614.397.881
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	259.000.000.000	223.614.397.881
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.466.637.876	57.493.501.506
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10(a)	27.773.653.854	49.007.863.488
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.677.078.303	4.860.551.323
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	4.091.815.543	4.700.930.356
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10(c)	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		86.505	152.668
Hàng tồn kho	140		222.007.398.706	200.619.721.990
Hàng tồn kho	141	12	222.007.398.706	200.619.721.990
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.839.551.058	4.353.629.141
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.835.639.823	3.844.452.506
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	509.176.635

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

1120
HI N
NG
KP
PH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		364.638.698.107	380.996.623.814
Tài sản cố định	220		294.418.092.569	309.921.232.551
Tài sản cố định hữu hình	221	13	290.004.284.321	308.580.914.267
Nguyên giá	222		1.554.884.200.715	1.548.812.000.137
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.264.879.916.394)	(1.240.231.085.870)
Tài sản cố định vô hình	227	14	4.413.808.248	1.340.318.284
Nguyên giá	228		5.663.029.474	2.396.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.249.221.226)	(1.056.317.906)
Bất động sản đầu tư	230	15	6.291.992.898	6.468.024.160
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.503.845.173)	(3.327.813.911)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.531.927.362	215.135.327
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	3.531.927.362	215.135.327
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	24.011.941.821	24.011.941.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	260		36.384.743.457	40.380.289.955
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	34.394.837.615	38.390.384.113
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.989.905.842	1.989.905.842
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		940.697.898.573	1.002.115.257.745

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		341.948.309.433	408.751.463.377
Nợ ngắn hạn	310		329.396.113.370	398.268.934.165
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	48.755.885.377	41.949.049.672
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.205.319.114	25.637.005.328
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	119.589.385.899	150.757.093.121
Phải trả người lao động	314		23.898.724.217	28.025.943.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	6.701.624.585	2.228.624.513
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	16.040.119.708	16.268.466.965
Vay ngắn hạn	320	22	79.900.000.000	129.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	8.305.054.470	4.402.751.401
Nợ dài hạn	330		12.552.196.063	10.482.529.212
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.837.500.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		1.736.405.000	1.380.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	8.978.291.063	9.102.529.212
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		598.749.589.140	593.363.794.368
Vốn chủ sở hữu	410	25	598.749.589.140	593.363.794.368
Vốn cổ phần	411	26	298.466.480.000	298.466.480.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	106.839.717.745	99.350.138.745
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		193.431.156.702	195.534.940.930
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		163.206.403.930	150.206.621.946
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước</i>	421b		30.224.752.772	45.328.318.984
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		940.697.898.573	1.002.115.257.745

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huyền Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	646.131.372.709	584.552.260.887
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	491.250.116.192	461.427.807.188
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		154.881.256.517	123.124.453.699
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	5.111.825.245	9.019.874.778
Chi phí tài chính	22		1.375.186.138	2.738.118.950
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.326.620.767	2.738.118.950
Chi phí bán hàng	25	33	24.939.871.761	16.092.835.607
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	39.975.399.661	37.567.728.597
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		93.702.624.202	75.745.645.323
Thu nhập khác	31		384.019.936	1.236.773.891
Chi phí khác	32		161.774.221	508.352.361
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		222.245.715	728.421.530
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		93.924.869.917	76.474.066.853
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	18.930.145.145	15.314.791.373
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		74.994.724.772	61.159.275.480

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		93.924.869.917	76.474.066.853
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		25.017.765.106	24.892.849.271
Các khoản dự phòng	03		-	(5.508.048)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(75.343.217)	(136.676)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.047.596.495)	(9.181.773.776)
Chi phí lãi vay	06		1.326.620.767	2.738.118.950
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		115.146.316.078	94.917.616.574
Biến động các khoản phải thu	09		22.527.157.042	16.035.323.605
Biến động hàng tồn kho	10		(21.387.676.716)	45.059.439.864
Biến động các khoản phải trả	11		(15.292.657.340)	(23.876.835.100)
Biến động chi phí trả trước	12		4.004.359.181	2.335.109.240
			104.997.498.245	134.470.654.183
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.522.067.893)	(2.557.015.418)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.163.326.581)	(27.012.343.885)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		290.260.000	627.801.359
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.602.195.080)	(20.989.993.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55.000.168.691	84.539.102.793

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(12.235.790.945)	(3.326.363.511)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		68.927.500	163.636.364
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(209.000.000.000)	(263.000.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn thu về	24		173.614.397.881	220.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận phân bổ/cổ tức	27		5.841.752.631	31.537.242.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.710.712.933)	(14.625.484.314)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		484.807.912.076	379.107.682.692
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(533.907.912.076)	(381.479.900.663)
Tiền chi trả cổ tức	36		(44.556.569.562)	(30.527.273.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.656.569.562)	(32.899.491.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(80.367.113.804)	37.014.127.138
Tiền đầu kỳ	60		135.037.383.413	40.336.570.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		75.343.217	136.676
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	54.745.612.826	77.350.834.022

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 438 nhân viên (1/1/2024: 442 nhân viên).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc các ước tính cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Công ty không có các khoản mục bất thường từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó bộ phận xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	1.133.039.366	449.794.029
Tiền gửi ngân hàng	9.612.573.460	9.222.589.384
Các khoản tương đương tiền (*)	44.000.000.000	125.365.000.000
	54.745.612.826	135.037.383.413

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi được gửi bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 4,2% một năm (1/1/2024: từ 4,1% đến 4,5% một năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,5% đến 5,2% (1/1/2024: từ 4,1% đến 9,3%).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2024 và 1/1/2024				
		% sở hữu và quyền biểu quyết		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:						
Công ty con						
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	-		(*)
Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần In -Thương Mại Phú Yên		20%	975.860.000	-		(*)
			24.011.941.821	-		

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.059.715.370	42.265.734.352
Các khách hàng khác	5.713.938.484	6.742.129.136
	<hr/>	<hr/>
	27.773.653.854	49.007.863.488

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn - Trụ sở chính	620.881.310	2.019.834.729
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.059.715.370	42.265.734.352
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	1.075.996.329	1.075.996.329

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	2.726.301.368	3.534.918.042
Phải thu khác	1.365.514.175	1.166.012.314
	4.091.815.543	4.700.930.356

12. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	13.000.000	-
Nguyên vật liệu	117.400.878.594	-	95.689.467.967	-
Công cụ và dụng cụ	53.810.191.548	-	55.582.048.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.043.142.934	-	35.433.236.940	-
Thành phẩm	19.753.185.630	-	13.901.968.591	-
	222.007.398.706	-	200.619.721.990	-



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	256.195.675.616	1.264.340.002.391	19.000.440.778	8.048.560.413	1.227.320.939	1.548.812.000.137
Tăng trong kỳ	-	3.238.025.222	520.000.000	98.638.148	-	3.856.663.370
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	81.535.641	2.134.001.567	-	-	-	2.215.537.208
Số dư cuối kỳ	256.277.211.257	1.269.712.029.180	19.520.440.778	8.147.198.561	1.227.320.939	1.554.884.200.715
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	153.605.677.765	1.063.498.050.975	15.543.487.771	6.599.455.069	984.414.290	1.240.231.085.870
Khấu hao trong kỳ	6.169.125.816	17.580.699.498	577.203.928	301.872.706	19.928.576	24.648.830.524
Số dư cuối kỳ	159.774.803.581	1.081.078.750.473	16.120.691.699	6.901.327.775	1.004.342.866	1.264.879.916.394
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	102.589.997.851	200.841.951.416	3.456.953.007	1.449.105.344	242.906.649	308.580.914.267
Số dư cuối kỳ	96.502.407.676	188.633.278.707	3.399.749.079	1.245.870.786	222.978.073	290.004.284.321



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 936.644 triệu VND (1/1/2024: 931.792 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 80.943 triệu VND (1/1/2024: 87.702 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	1.667.636.190	229.000.000	2.396.636.190
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 16)	-	3.320.860.246	-	3.320.860.246
Thanh lý	(54.466.962)	-	-	(54.466.962)
Số dư cuối kỳ	445.533.038	4.988.496.436	229.000.000	5.663.029.474
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	827.317.906	229.000.000	1.056.317.906
Khấu hao trong kỳ	-	192.903.320	-	192.903.320
Số dư cuối kỳ	-	1.020.221.226	229.000.000	1.249.221.226
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	840.318.284	-	1.340.318.284
Số dư cuối kỳ	445.533.038	3.968.275.210	-	4.413.808.248

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 798 triệu VND (1/1/2024: 797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

011
 HI
 NG
 KP
 10+

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	3.884.331.898	4.060.363.160
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<hr/>	<hr/>
	6.291.992.898	6.468.024.160

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	<hr/> 7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.327.813.911
Khấu hao trong kỳ	176.031.262
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.503.845.173
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.060.363.160
Số dư cuối kỳ	3.884.331.898
	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Quyền
sử dụng đất
VND

Số dư đầu kỳ và cuối kỳ 2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	215.135.327	393.352.508
Tăng trong kỳ	8.853.189.489	1.957.084.374
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(2.215.537.208)	(2.063.309.555)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	(3.320.860.246)	-
Số dư cuối kỳ	3.531.927.362	287.127.327

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2024		30/6/2023	
	VND		VND	
Silos	2.888.000.000	-		
Khác	643.927.362	287.127.327		
	3.531.927.362	287.127.327		



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuế cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	15.700.701.136	6.231.105.065	11.286.330.579	5.172.247.333	38.390.384.113
Tăng trong kỳ	1.285.623.971	1.901.761.629	-	1.737.000.000	4.924.385.600
Phân bổ trong kỳ	(4.479.163.326)	(2.588.269.195)	(222.604.116)	(1.513.332.498)	(8.803.369.135)
Thanh lý	(116.562.963)	-	-	-	(116.562.963)
Số dư cuối kỳ	12.390.598.818	5.544.597.499	11.063.726.463	5.395.914.835	34.394.837.615

11/11/2024 10:11

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	9.326.975.980	15.757.046.696
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	9.219.087.422	2.157.911.315
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam	4.390.230.773	-
Các nhà cung cấp khác	25.819.591.202	24.034.091.661
	48.755.885.377	41.949.049.672
	48.755.885.377	41.949.049.672

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính	710.657.525	703.004.483
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – chi nhánh Phú Yên	-	48.592.392
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	9.326.975.980	15.757.046.696
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	2.553.096.600	-
	11.880.072.580	15.757.046.696

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	34.697.756.581	109.838.651.755	(36.203.037.178)	(84.227.831.201)	24.105.539.957
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.434.283.077	467.536.095.292	-	(477.541.299.453)	79.429.078.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.593.437.834	18.982.186.545	-	(28.163.326.581)	13.412.297.798
Thuế thu nhập cá nhân (*)	2.387.466.450	3.025.273.887	-	(4.464.124.553)	948.615.784
Tiền thuế đất, thuế đất	1.501.042.496	3.105.653.256	-	(2.989.100.952)	1.617.594.800
Các loại thuế khác	143.106.683	579.104.458	-	(645.952.497)	76.258.644
	150.757.093.121	603.066.965.193	(36.203.037.178)	(598.031.635.237)	119.589.385.899

(*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong kỳ có 14.334.643 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và sử dụng vỏ chai	425.000.000	-
Chi phí thuê đất	252.763.498	-
Chi phí lãi vay	26.082.192	221.529.318
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	400.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.597.778.895	2.007.095.195
	<hr/>	<hr/>
	6.701.624.585	2.228.624.513
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.298.689.203	10.085.286.765
Nhận ký quỹ ngắn hạn	812.950.000	1.255.255.000
Quỹ công tác xã hội	1.690.197.475	1.782.620.420
Phải trả ngắn hạn khác	3.238.283.030	3.145.304.780
	<hr/>	<hr/>
	16.040.119.708	16.268.466.965
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2024 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	129.000.000.000	484.807.912.076	(533.907.912.076)	79.900.000.000

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	4% - 5%	-	40.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	2,8%	15.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	3,5%	-	19.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iv)	VND	2,8%	14.900.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (v)	VND	2,8%	50.000.000.000	-
			<u>79.900.000.000</u>	<u>129.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 70.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 64.518 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 69.756 triệu VND) (Thuyết minh 13) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 50.000 triệu VND và chịu lãi suất của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 16.425 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 17.946 triệu VND) (Thuyết minh 13) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 3 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 65.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietinbank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 49.995 triệu VND và chịu lãi suất của Vietcombank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong kỳ của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.402.751.401	5.237.531.960
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	24.090.000.000	24.090.000.000
Tăng khác	290.260.000	627.801.359
Sử dụng trong kỳ	(20.477.956.931)	(20.989.993.446)
Số dư cuối kỳ	8.305.054.470	8.965.339.873

24. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng
	trợ cấp thôi việc
	VND
Số dư đầu kỳ	9.102.529.212
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(124.238.149)
Số dư cuối kỳ	8.978.291.063

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	90.329.263.247	214.066.232.994	602.874.210.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	61.159.275.480	61.159.275.480
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	9.020.875.498	(9.020.875.498)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(902.087.550)	(902.087.550)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(29.846.648.000)	(29.846.648.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	99.350.138.745	211.365.897.426	609.194.750.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	88.632.311.504	88.632.311.504
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	298.466.480.000	12.234.693	99.350.138.745	195.534.940.930	593.363.794.368
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	74.994.724.772	74.994.724.772
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	7.489.579.000	(7.489.579.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(748.958.000)	(748.958.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(44.769.972.000)	(44.769.972.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	298.466.480.000	12.234.693	106.839.717.745	193.431.156.702	598.749.589.140



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng hoàn toàn cho các cổ đông trong năm 2023 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022).

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 44.770 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DHCD ngày 12 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 7.490 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 9.021 triệu VND).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày thay đổi giá thuê	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	1.114.434.304	1.485.912.406
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2028	16.042.233.600	18.280.684.800
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2024	420.075.921	414.310.039
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2024	165.903.008	163.625.855
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2024	898.853.420	886.515.928
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2024	243.115.161	239.778.208
Lô đất 7	31-12-2048	31-12-2024	114.207.876	116.640.281
Lô đất 8	10-10-2036	31-5-2026	220.259.500	277.718.500
Lô đất 9	10-10-2036	9-10-2026	424.828.800	519.235.200
Lô đất 10	10-10-2036	5-3-2025	193.751.040	339.064.320
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.582.413.800	1.995.217.400
Lô đất 12	10-10-2036	31-5-2026	506.485.760	638.612.480
			<hr/>	<hr/>
			21.926.562.190	25.357.315.417

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	491,36	13.112.304	502	13.245.745
USD	130.868,29	3.304.843.771	45.556	1.096.990.542
		3.317.956.075		1.110.236.287

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2024	1/1/2024
		Số lượng	Số lượng
Bia Lowen 330	Két	769	673

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	611.133.240.955	547.040.095.906
▪ Cung cấp dịch vụ	20.906.935.633	23.939.035.451
▪ Doanh thu khác	14.091.196.121	13.573.129.530
	646.131.372.709	584.552.260.887

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn hàng đã bán	488.131.144.758	458.148.409.669
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.115.928.960	2.113.365.062
▪ Giá vốn khác	1.003.042.474	1.166.032.457
	<hr/>	<hr/>
	491.250.116.192	461.427.807.188

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	4.852.366.457	8.957.880.912
Cổ tức từ công ty liên kết	180.769.500	60.256.500
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75.343.217	136.676
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.346.071	1.600.690
	<hr/>	<hr/>
	5.111.825.245	9.019.874.778

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	2.052.570.499	1.918.657.293
Chi phí khấu hao và phân bổ	191.305.986	147.921.041
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	276.675.033	141.953.796
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	14.282.720.010	9.611.749.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.297.248.586	1.612.958.232
Chi phí bán hàng khác	3.839.351.647	2.659.595.368
	<hr/>	<hr/>
	24.939.871.761	16.092.835.607



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	19.210.984.678	18.265.065.293
Chi phí thuê	4.134.217.002	2.980.033.994
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.714.643.011	1.913.207.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.639.079.405	2.047.817.037
Chi phí quản lý khác	13.276.475.565	12.361.604.393
	39.975.399.661	37.567.728.597

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	400.276.427.405	360.209.896.734
Chi phí nhân công và nhân viên	62.259.676.018	59.214.682.846
Chi phí khấu hao và phân bổ (*)	25.017.765.106	24.892.849.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.026.770.857	32.002.862.466
Chi phí khác	37.232.342.149	31.573.591.309

(*) Trong kỳ, chi phí khấu hao và phân bổ đã bao gồm khấu hao các tài sản phục vụ sản xuất điện năng lượng mặt trời và giếng khoan với số tiền lần lượt là 533.057.904 VND và 188.815.990 VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.784.973.983	15.294.813.370
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	145.171.162	19.978.003
	18.930.145.145	15.314.791.373
	18.930.145.145	15.314.791.373

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	93.924.869.917	76.474.066.853
	93.924.869.917	76.474.066.853
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.784.973.983	15.294.813.370
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	145.171.162	19.978.003
	18.930.145.145	15.314.791.373
	18.930.145.145	15.314.791.373

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn - Trụ sở chính		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	279.922.933.992	224.408.856.042
Bán phụ tùng thay thế	440.476.715	392.753.960
Mua dịch vụ	3.572.790.327	3.203.236.044
Mua khác	-	5.727.273
Nhận cổ tức	-	21.016.371.173
Chuyển phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	315.000.000	439.650.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại		
- Dịch vụ Bia Quy Nhơn tại Phú Yên		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	32.479.423.120	28.559.737.274
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.903.479.817	9.921.914.489
Bán hàng hóa khác	25.613.636	697.768.213
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	2.095.500.000	4.055.000.000
Thu nhập từ cổ tức	180.769.500	60.256.500
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	261.671.484.551	266.564.494.718
Bán hàng hóa khác	504.000	380.162.520
Mua nguyên vật liệu	203.068.622.397	168.655.422.756
Cổ tức đã trả	14.426.044.500	9.617.363.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	158.981.400	192.000.000
Bán khác	-	184.768.629
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	446.646.806	220.077.805

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco		
Mua công cụ dụng cụ	217.716.000	154.646.000
Mua dịch vụ	7.524.979.000	-
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	398.160.000	372.088.848
Ông Võ Thanh Điền – Phó Tổng Giám đốc	264.840.000	247.519.974
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	24.000.000	24.000.000

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc



Đắk Lắk, ngày 15 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG**
- Mã chứng khoán: SMB**
- Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.**
- Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455**
- Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng**
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính Riêng Bán niên Soát xét năm 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của Công ty Kiểm toán KPMG, Báo cáo của Ban Giám đốc, Bảng CĐKT tại ngày 30/06/2024, Báo cáo KQKD giai đoạn 01/01-30/06/2024, Báo cáo LCTT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2024, Thuyết minh BCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2024.**
 - Các nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.**

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06T/2024 tăng 22,6% so với cùng kỳ năm 2023 tương ứng với tăng 13,84 tỷ. Nguyên nhân chủ yếu do: sản lượng tiêu thụ 06T/2024 tăng 7,83 triệu lít và nguyên nhân Công ty đã quản lý tốt định mức nguyên vật liệu tuy nhiên do ảnh hưởng tình hình chung nên giá vật tư tăng cao hơn so với cùng kỳ 2023.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với Báo cáo tài chính Bán niên Soát xét 2024 để giải trình theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: biasaigonmt.com**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên**
- Lưu VT**



NGƯỜI CBTT

**TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng**